

Số: 18.145HN/BCKT-RSM HCM

**BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

**Kính gửi: Các thành viên Hội đồng Quản trị  
Các thành viên Ban Tổng Giám đốc  
CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ VẬT LIỆU XÂY DỰNG LÂM ĐỒNG**

**Báo cáo kiểm toán về báo cáo tài chính hợp nhất**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Khoáng Sản và Vật Liệu Xây Dựng Lâm Đồng (dưới đây gọi tắt là "Công ty") và các công ty con (cùng với Công ty dưới đây gọi chung là "Tập đoàn"), được lập ngày 28 tháng 03 năm 2018 từ trang 05 đến trang 41, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

**Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Tập đoàn chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

**Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tập đoàn liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tập đoàn. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP THEO)

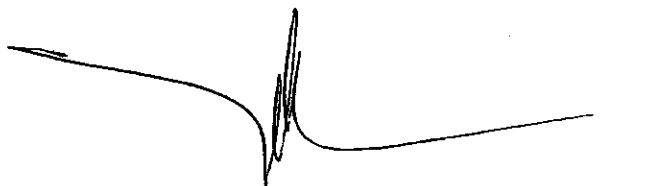
### *Ý kiến của kiểm toán viên*

Theo ý kiến chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Khoáng Sản và Vật Liệu Xây Dựng Lâm Đồng và các công ty con vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

### **KT. TỔNG GIÁM ĐỐC**



**Đặng Thị Hồng loan**  
Phó Tổng Giám đốc  
Số Giấy CN Đăng ký hành nghề kiểm toán:  
0425-2018-026-1



**Lộ Nguyễn Thúy Phượng**  
Kiểm toán viên  
Số Giấy CN Đăng ký hành nghề kiểm toán:  
1191-2018-026-1

**Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn RSM Việt Nam**  
Tp. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 03 năm 2018

*Như đã trình bày tại Mục 2.1 của Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất, báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước ngoài Việt Nam.*

**CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN  
VÀ VẬT LIỆU XÂY DỰNG LÂM ĐỒNG  
VÀ CÁC CÔNG TY CON**

Địa chỉ: 87 Phù Đổng Thiên Vương, Phường 8,  
Thành Phố Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng.

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017  
Mẫu số B 01 - DN/HN

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**  
Tại ngày 31/12/2017

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	TM	Tại ngày 31/12/2017	Tại ngày 01/01/2017
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>189.330.249.002</b>	<b>139.068.828.426</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	4.1	<b>20.019.926.107</b>	<b>22.574.962.256</b>
1. Tiền	111		13.219.926.107	12.574.962.256
2. Các khoản tương đương tiền	112		6.800.000.000	10.000.000.000
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>9.603.990.764</b>	<b>7.976.785.556</b>
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	4.2	9.603.990.764	7.976.785.556
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>129.226.585.607</b>	<b>85.359.181.235</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	4.3	137.713.499.983	62.053.899.141
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	4.4	2.128.498.537	24.446.727.466
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	4.5	5.320.484.335	11.062.298.548
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	4.6	(15.935.897.248)	(12.203.743.920)
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	4.7	<b>30.455.316.124</b>	<b>22.997.992.354</b>
1. Hàng tồn kho	141		32.006.120.993	24.548.797.223
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(1.550.804.869)	(1.550.804.869)
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>24.430.400</b>	<b>159.907.025</b>
1. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	4.14	24.430.400	159.907.025
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>160.392.359.043</b>	<b>111.241.700.542</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>1.064.941.997</b>	<b>1.152.341.741</b>
1. Phải thu dài hạn khác	216	4.5	1.064.941.997	1.152.341.741
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>134.038.972.089</b>	<b>101.284.389.637</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	4.8	132.826.981.935	100.606.095.857
Nguyên giá	222		325.587.868.513	267.759.809.705
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(192.760.886.578)	(167.153.713.848)
2. Tài sản cố định vô hình	227	4.9	1.211.990.154	678.293.780
Nguyên giá	228		5.379.692.098	4.679.692.098
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(4.167.701.944)	(4.001.398.318)
<b>III. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>283.770.716</b>	<b>959.638.169</b>
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		283.770.716	959.638.169
<b>IV. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>25.004.674.241</b>	<b>7.845.330.995</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	4.10	21.678.874.450	3.678.655.067
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	4.16	214.201.242	186.724.295
3. Lợi thế thương mại	269	4.11	3.111.598.549	3.979.951.633
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)</b>	<b>270</b>		<b>349.722.608.045</b>	<b>250.310.528.968</b>

(Xem tiếp trang sau)

**CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN  
VÀ VẬT LIỆU XÂY DỰNG LÂM ĐỒNG  
VÀ CÁC CÔNG TY CON**

Địa chỉ: 87 Phù Đổng Thiên Vương, Phường 8,  
Thành Phố Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng.

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

Mẫu số B 01 - DN/HN

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**  
Tại ngày 31/12/2017

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	TM	Tại ngày 31/12/2017	Tại ngày 01/01/2017
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>118.385.919.571</b>	<b>60.550.029.084</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>117.399.419.571</b>	<b>59.563.529.084</b>
1. Nợ phải trả người bán ngắn hạn	311	4.12	92.879.761.425	14.889.333.928
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	4.13	2.911.409.625	27.969.343.595
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	4.14	5.960.145.513	5.240.585.281
4. Phải trả người lao động	314		9.478.490.185	7.494.260.286
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	4.15	3.974.021.868	1.090.770.844
6. Phải trả ngắn hạn khác	319		1.311.365.501	936.279.312
7. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	1.047.420.384
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		884.225.454	895.535.454
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>986.500.000</b>	<b>986.500.000</b>
1. Dự phòng phải trả dài hạn	342		986.500.000	986.500.000
<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>	4.17	<b>231.336.688.474</b>	<b>189.760.499.884</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>		<b>231.336.688.474</b>	<b>189.760.499.884</b>
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		85.000.000.000	85.000.000.000
Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		85.000.000.000	85.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		30.786.594.037	21.378.566.720
3. Cổ phiếu quỹ	415		-	(4.372.135.515)
4. Quỹ đầu tư phát triển	418		23.554.754.575	23.554.754.575
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		83.092.459.866	50.278.713.729
LNST chưa phân phối lũy kế đến CK trước	421a		37.628.546.771	17.593.106.602
LNST chưa phân phối kỳ này	421b		45.463.913.095	32.685.607.127
6. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		8.902.879.996	13.920.600.375
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)</b>	<b>440</b>		<b>349.722.608.045</b>	<b>250.310.528.968</b>



**Nguyễn An Thái**  
**Tổng Giám đốc**

Lâm Đồng, ngày 28 tháng 03 năm 2018

Người lập

**Lê Nam Đồng**  
**Kế toán trưởng**

**CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN  
VÀ VẬT LIỆU XÂY DỰNG LÂM ĐỒNG  
VÀ CÁC CÔNG TY CON**

Địa chỉ: 87 Phù Đổng Thiên Vương, Phường 8,  
Thành Phố Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng.

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

Mẫu số B 02 - DN/HN

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Năm 2017	Năm 2016
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	5.1	542.470.876.281	327.272.806.835
2. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		542.470.876.281	327.272.806.835
3. Giá vốn hàng bán	11	5.2	427.389.678.696	219.937.653.856
4. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		115.081.197.585	107.335.152.979
5. Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.3	1.165.664.883	1.138.308.091
6. Chi phí tài chính	22		529.961.788	199.836.122
<i>Trong đó, chi phí lãi vay</i>	23		159.946.562	178.856.951
7. Chi phí bán hàng	25	5.4	15.038.834.609	12.731.085.936
8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	5.5	39.967.926.435	31.755.844.322
9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		60.710.139.636	63.786.694.690
10. Thu nhập khác	31		783.347.981	485.530.594
11. Chi phí khác	32		832.243.294	327.122.254
12. Lợi nhuận khác	40		(48.895.313)	158.408.340
13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		60.661.244.323	63.945.103.030
14. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	5.7	12.075.005.512	13.047.483.212
15. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	5.8	(27.476.947)	(98.845.625)
16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		48.613.715.758	50.996.465.443
17. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61		45.463.913.095	44.921.857.127
18. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		3.149.802.663	6.074.608.316
19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	4.17.4	5.499	5.507
20. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	4.17.4	5.499	5.507



**Nguyễn An Thái**  
Tổng Giám đốc

Lâm Đồng, ngày 28 tháng 03 năm 2018

Người lập

**Lê Nam Đồng**  
Kế toán trưởng

**CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN  
VÀ VẬT LIỆU XÂY DỰNG LÂM ĐỒNG  
VÀ CÁC CÔNG TY CON**

Địa chỉ: 87 Phù Đổng Thiên Vương, Phường 8,  
Thành Phố Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng.

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

Mẫu số B 03 - DN/HN

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**

*(Theo phương pháp gián tiếp)*

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Năm 2017	Năm 2016
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>				
<b>1. Lợi nhuận trước thuế</b>	01		60.661.244.323	63.945.103.030
<b>2. Điều chỉnh cho các khoản:</b>				
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	5.6	26.325.983.258	22.021.261.945
Các khoản dự phòng	03		2.684.732.944	5.405.055.970
Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		(5.330.270)	(25.500.838)
Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(1.067.820.016)	(1.294.489.470)
Chi phí lãi vay	06		159.946.562	178.856.951
Các khoản điều chỉnh khác	07		-	(58.020.852)
<b>3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>08</b>		<b>88.758.756.801</b>	<b>90.172.266.736</b>
Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(52.792.997.383)	(34.485.143.682)
Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(7.457.323.770)	(3.333.522.904)
Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		62.225.637.928	18.065.193.115
Tăng giảm chi phí trả trước	12		(18.000.219.383)	(1.123.307.755)
Tiền lãi vay đã trả	14		(159.946.562)	(178.856.951)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	4.14	(10.500.319.659)	(12.881.325.250)
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(11.310.000)	(5.680.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	<b>20</b>		<b>62.062.277.972</b>	<b>56.229.623.309</b>
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(57.160.835.129)	(33.464.505.535)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		145.090.908	145.454.545
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác	23		(16.570.047.263)	(14.512.785.556)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		14.942.842.055	17.745.000.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(7.735.200.000)	-
6. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	5.3	1.057.832.206	1.067.216.823
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	<b>30</b>		<b>(65.320.317.223)</b>	<b>(29.019.619.723)</b>

(Xem tiếp trang sau)

**CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN  
VÀ VẬT LIỆU XÂY DỰNG LÂM ĐỒNG  
VÀ CÁC CÔNG TY CON**

Địa chỉ: 87 Phù Đổng Thiên Vương, Phường 8,  
Thành Phố Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng.

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

Mẫu số B 03 - DN/HN

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

*(Theo phương pháp gián tiếp)*

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Năm 2017	Năm 2016
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		13.780.162.832	-
2. Tiền thu từ đi vay	33	6.1	13.029.906.499	13.000.000.000
3. Tiền trả nợ gốc vay	34	6.2	(13.029.906.499)	(13.000.000.000)
4. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(13.082.490.000)	(13.747.470.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>697.672.832</b>	<b>(13.747.470.000)</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG NĂM</b>				
<b>(50 = 20+30+40)</b>	<b>50</b>		<b>(2.560.366.419)</b>	<b>13.462.533.586</b>
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		22.574.962.256	9.108.966.865
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		5.330.270	3.461.805
<b>TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI NĂM</b>				
<b>(70 = 50+60+61)</b>	<b>70</b>	4.1	<b>20.019.926.107</b>	<b>22.574.962.256</b>



**Phê duyệt**  
**Nguyễn An Thái**  
**Tổng Giám đốc**

Lâm Đồng, ngày 28 tháng 03 năm 2018

**Người lập**  
**Lê Nam Đồng**  
**Kế toán trưởng**